

Thứ tư, ngày 8 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giăng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 09/07/2020		•	
Tuần 6/7-10/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sự giảm điểm của thị trường Mỹ ngày 7/7 đã phần nào khiến VNIndex mở cửa trong sắc đỏ, tuy nhiên chỉ số sau đó đã hồi phục trở lại và dao động giăng co ở sát ngưỡng tham chiếu. Dòng tiền đầu tư có sự cải thiện nhẹ so với phiên hôm trước khi có 12/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại có phiên bán ròng mạnh trên sàn HSX. Thanh khoản thị trường có sự sụt giảm so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy đa số các nhà giao dịch vẫn chưa có sự đồng thuận trong vị thế mua bán. Trạng thái biến động trong biên độ hẹp có thể sẽ tiếp tục được duy trì đến hết tuần giao dịch hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều tăng điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 8/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Ngành Dược_1.4%**

Phân tích kỹ thuật: GEX_Tín hiệu tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.08** điểm, đóng cửa **864.5**. HNX-Index **+0.66** điểm, đóng cửa **114.37**.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+1.51); GAS (+0.28); CTG (+0.21); LGC (+0.18); VPB (+0.14)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.42); VHM (-0.38); VNM (-0.25); HPG (-0.23); VIC (-0.19)**.
- Giá trị khộp lệnh của VN-Index đạt **3,039** tỷ đồng, **-33.31%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.6 điểm. Thị trường có **156** mã tăng, **75** mã tham chiếu và **196** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-332.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DHC (-202.1 tỷ), HPG (-87.4 tỷ) và VCB (-14.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.55** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **864.50**Giá trị: 3039.45 tỷ **1.08 (0.13%)**

Khối ngoại (ròng): -332.83 tỷ

HNX-INDEX **114.37**Giá trị: 623.32 tỷ **0.66 (0.58%)**

Khối ngoại (ròng): -0.55 tỷ

UPCOM-INDEX **56.78**Giá trị: 0.24 tỷ **0.43 (0.76%)**

Khối ngoại (ròng): -2.62 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	0.07%
Giá vàng	1,800	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,192	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,140	-0.51%
Tỷ giá JPY/VND	21,568	0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	32.62%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.56%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	14.5	DHC	202.1
PLX	7.8	HPG	87.4
VRE	5.3	VCB	14.4
VNM	2.8	PHR	11.8
PDR	2.7	TRC	10.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
8/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	15/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngành Dược	1.4%	1.5%	3.3%	3.3%	3.3%	-5.4%	18.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.2%	2.2%	7.0%	7.0%	7.0%	7.8%	26.2%
Corona Avengers	0.7%	2.5%	4.3%	4.3%	4.3%	-0.6%	22.1%
Xây dựng	0.7%	1.1%	6.2%	6.2%	6.2%	-1.7%	19.5%
Ngân Hàng	0.5%	2.9%	5.4%	5.4%	5.4%	-3.8%	23.2%
Dầu khí	0.4%	1.3%	2.9%	2.9%	2.9%	-21.3%	25.3%
Chiến tranh thương mại	0.3%	1.2%	3.0%	3.0%	3.0%	-9.5%	18.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	2.1%	4.4%	4.4%	4.4%	-10.9%	19.6%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	0.6%	5.0%	5.0%	5.0%	2.9%	20.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	1.8%	4.9%	4.9%	4.9%	-13.8%	16.9%
VN FinSelect	0.2%	2.0%	4.6%	4.6%	4.6%	-6.2%	19.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	2.4%	5.2%	5.2%	5.2%	-6.4%	21.3%
VN Diamond	0.2%	2.0%	4.4%	4.4%	4.4%	-13.1%	19.7%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.4%	4.2%	4.2%	4.2%	-6.8%	16.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	2.4%	5.0%	5.0%	5.0%	-1.1%	22.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.1%	2.3%	4.5%	4.5%	4.5%	-11.9%	21.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	2.0%	4.4%	4.4%	4.4%	-8.5%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	0.8%	2.7%	2.7%	2.7%	7.2%	15.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.9%	4.8%	4.8%	4.8%	-8.3%	16.1%
BD&S & Khu công nghiệp	-0.2%	1.6%	3.9%	3.9%	3.9%	-6.0%	17.7%
Đầu tư công	-0.3%	1.5%	4.7%	4.7%	4.7%	-1.3%	20.3%
FTSE Việt Nam	-0.4%	1.7%	3.9%	3.9%	3.9%	-7.2%	17.1%
Lãi suất giảm	-0.5%	1.0%	6.4%	6.4%	6.4%	3.2%	19.7%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	0.1%	4.8%	4.8%	4.8%	0.9%	20.1%
Stay-at-home	-0.9%	-0.2%	3.9%	3.9%	3.9%	8.6%	17.9%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.6%	3.1%	5.2%	5.2%	5.2%	-6.6%	21.4%
S32	0.5%	1.9%	4.3%	4.3%	4.3%	-14.9%	22.6%
L22	0.2%	1.8%	4.3%	4.3%	4.3%	-6.3%	20.1%
S21	0.1%	1.8%	3.6%	3.6%	3.6%	-8.8%	20.1%
M12	-0.1%	1.3%	3.0%	3.0%	3.0%	-7.2%	20.0%
L32	-0.2%	0.7%	3.4%	3.4%	3.4%	-8.6%	21.3%
L11	-0.2%	0.8%	3.3%	3.3%	3.3%	-7.2%	17.7%
M22	-0.3%	1.2%	3.3%	3.3%	3.3%	-2.3%	19.0%
S11	-0.6%	0.7%	2.9%	2.9%	2.9%	0.9%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.6%	2.4%	5.2%	5.2%	5.2%	0.2%	19.4%
LOW1	0.0%	1.1%	3.0%	3.0%	3.0%	-5.3%	17.3%
MID1	-0.3%	0.1%	4.7%	4.7%	4.7%	5.1%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	0.1%	2.0%	4.8%	4.8%	4.8%	-10.0%	17.0%
VN30INDEX	-0.1%	1.9%	4.5%	4.5%	4.5%	-8.4%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	15	10	9	16	10	15
Mục tiêu	9	3	6	1	8	1	8
Rủi ro	3	1	2	1	2	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

GEX_Tín hiệu tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GEX đang kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 18.0 sau khi hình thành mô hình 2 đáy ở ngưỡng giá 16.0. Thanh khoản cổ phiếu vẫn ở mức thấp nhưng đang có dấu hiệu tăng dần về ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ tín hiệu tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư nên mở vị thế tại vùng giá 18.0-19.0 khi GEX vượt ngưỡng kháng cự này với thanh khoản cao. Mức giá chốt lãi tại ngưỡng kháng cự 22.0 và mức giá cắt lỗ tại ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 16.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 8/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.58	-0.10%	3.30%	2.00%	-27.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.04	-0.09%	2.40%	5.00%	-28.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	127.75	0.20%	6.30%	4.10%	-27.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1792.02	-0.16%	1.20%	5.50%	25.77%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.27	0.01%	1.50%	2.80%	11.68%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	899.00	-0.39%	1.90%	2.20%	-4.82%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	497.00	0.35%	1.10%	-4.50%	-8.43%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.50	0.26%	5.10%	25.90%	37.43%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.91	-0.33%	1.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.18	2.10%	3.50%	3.20%	-11.35%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	100.30	2.19%	0.20%	0.60%	-16.21%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6188.00	0.97%	2.90%	8.80%	6.29%	MSG, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	525.61	1.39%	4.40%	2.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1634.00	-0.03%	0.90%	2.70%	-10.27%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	111.57	2.43%	6.40%	5.40%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	59.30	2.24%	6.80%	1.80%	-25.55%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 7/7, dầu thô Brent giảm 2 US cent xuống 43.08 USD/thùng. Dầu thô WTI đóng cửa giảm 1 US cent xuống 40.62 USD/thùng.
- 16 bang của Mỹ vẫn báo cáo số ca nhiễm Covid-19 mới kỷ lục trong 5 ngày đầu tháng 7. Florida lại đang đưa ra những hạn chế mở cửa lại nền kinh tế. California và Texas cũng báo cáo số ca nhiễm ở mức cao.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,796.08 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8 của Mỹ đóng cửa tăng 0.9% lên 1,809.9 USD/ounce.
- Vàng tăng trong phiên qua do số ca nhiễm Covid-19 mới tăng vọt thúc đẩy hy vọng về các biện pháp chính sách tiền tệ phù hợp hơn và nhu cầu đối với kim loại trú ẩn an toàn này.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng phiên thứ 3 liên tiếp, đóng cửa tăng 2.7% lên 767 CNY (109.23 USD)/tấn. Quặng sắt trên sàn giao dịch Singapore tăng 2.1%.
- Thị trường chứng khoán Trung Quốc tiếp tục tích cực, phù hợp với sự thúc đẩy của Bắc Kinh để thị trường mạnh lên.
- Quặng sắt vẫn được hỗ trợ bởi cả nguồn cung và nhu cầu, với giá giao ngay trên 100 USD/tấn. Brazil đã trở thành trung tâm đại dịch toàn cầu cho đợt bùng phát Covid-19 và đang bắt đầu có một ảnh hưởng tới các công ty khai thác quặng sắt.
- Xuất khẩu quặng sắt của Australia và Brazil đã giảm 7.6% trong giai đoạn 29/6 tới 5/7 so với một tuần trước xuống 26.3 triệu tấn, sau khi tăng ổn định trong 3 tuần, theo khảo sát mới nhất của công ty tư vấn Mysteel.
- Giá thép thanh trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 0.5%, thép cuộn cán nóng tăng 0.8%.

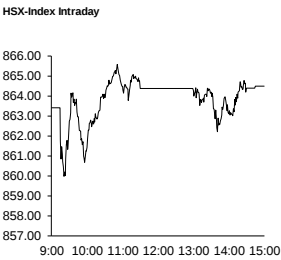
Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 12 đóng cửa tăng 0.6 JPY lên 157.4 JPY (1.46 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 20 CNY lên 10,540 CNY (1,500 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo tăng lên mức cao nhất 3 tuần trong phiên qua, do đầu cơ cổ phiếu lên giá tại nước tiêu dùng hàng đầu Trung Quốc và giá cao su Thượng Hải tăng bởi hy vọng phục hồi kinh tế nhanh chóng.
- Sự phục hồi mạnh trong lĩnh vực dịch vụ của Mỹ tháng 6 gần như trở lại mức trước đại dịch, cũng hỗ trợ nhu cầu các tài sản rủi ro

Giá nông sản

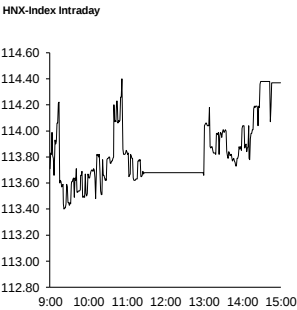
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 đóng cửa tăng 0.25 US cent hay 2.1% lên 12.18 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 tăng 2.2 USD hay 0.6% lên 350.5 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 đóng cửa tăng 2.15 US cent hay 2.2% lên 1.003 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 16 USD hay 1.4% lên 1,191 USD/tấn.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

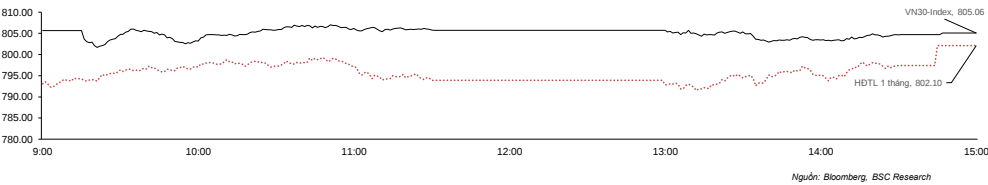
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.80%
Truyền thông	-0.51%
Bán lẻ	-0.22%
Bất động sản	-0.20%
Du lịch và Giải trí	-0.18%
Dầu khí	-0.09%
Ngân hàng	-0.01%
Công nghệ Thông tin	0.13%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.20%
Bảo hiểm	0.20%
Y tế	0.24%
Ô tô và phụ tùng	0.31%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.31%
Hóa chất	0.35%
Xây dựng và Vật liệu	0.50%
Dịch vụ tài chính	0.88%
Thực phẩm và đồ uống	0.96%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.04%
Viễn thông	8.00%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2007	802.10	1.02%	-2.96	-5.4%	182,464	7/16/2020	10
VN30F2008	793.00	0.63%	-12.06	-15.6%	885	8/20/2020	45
VN30F2009	785.90	0.74%	-19.16	-79.6%	33	9/17/2020	73
VN30F2012	780.10	0.41%	-24.96	-36.1%	62	12/17/2020	164

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 0.62 điểm xuống mức 805.06 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, VNM, VJC và VCB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 có sự dao động giảm cơ trong cả phiên nhưng phần lớn thời gian nằm dưới mốc tham chiếu. VN30 có thể sẽ chưa thiết lập được xu hướng rõ ràng trong những phiên tới.

• Tất cả các HDTL đều tăng điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số. Tất cả các hợp đồng đều giảm về khối lượng giao dịch và không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2004	SSI	11/30/2020	145	1:1	169,650	103.9%	5.0 triệu	41.60%	1,400	1,710	4.27%	1,549	1.10
CSTB2003	KIS	9/16/2020	70	1:1	302,420	38.7%	3.0 triệu	41.60%	1,360	1,590	3.92%	1,085	1.47
CFPT2004	SSI	8/10/2020	33	1:1	32,860	-9.0%	2.0 triệu	32.18%	5,100	6,900	3.45%	1,019	6.77
CSTB2002	KIS	12/16/2020	161	1:1	84,760	-55.7%	3.0 triệu	41.60%	1,700	1,930	2.66%	1,202	1.61
CFPT2003	SSI	11/9/2020	124	1:1	28,050	-23.4%	2.0 triệu	32.18%	7,300	9,660	1.47%	2,919	3.31
CNVL2002	KIS	3/10/2021	245	5:1	73,100	#####	1.5 triệu	17.83%	2,000	3,420	0.59%	1,511	2.26
CDPM2002	KIS	12/16/2020	161	1:1	76,390	6.1%	2.0 triệu	40.78%	1,700	2,320	0.43%	1,352	1.72
CCTD2001	KIS	12/16/2020	161	10:1	144,190	57.6%	1.0 triệu	55.19%	1,540	2,050	-1.44%	1,203	1.70
CMWG2007	SSI	11/30/2020	145	1:1	18,430	9.3%	2.0 triệu	39.78%	12,900	9,360	-2.30%	7,571	1.24
CVHM2003	HSC	10/29/2020	113	10:1	114,440	-41.2%	5.0 triệu	37.34%	1,000	1,560	-2.50%	1,349	1.16
CVNM2004	SSI	11/30/2020	145	1:1	13,740	-24.1%	2.0 triệu	31.50%	17,500	14,920	-2.80%	8,999	1.66
CVHM2002	SSI	11/30/2020	145	1:1	18,830	-15.4%	1.5 triệu	37.34%	11,500	12,000	-2.91%	9,976	1.20
CVNM2003	MBS	9/4/2020	58	10:1	88,110	107.2%	3.0 triệu	31.50%	1,450	2,450	-4.30%	2,244	1.09
CTCB2004	MBS	8/18/2020	41	2:1	107,900	-24.4%	2.0 triệu	36.47%	1,050	1,750	-4.37%	1,635	1.07
CHPG2007	KIS	7/16/2020	8	1:1	47,510	28.4%	2.5 triệu	36.58%	1,660	5,090	-4.86%	5,075	1.00
CMWG2005	VND	10/1/2020	85	2:1	32,640	-16.8%	1.0 triệu	39.78%	2,500	3,900	-4.88%	1,809	2.16
CHPG2008	SSI	11/30/2020	145	1:1	107,410	140.9%	5.0 triệu	36.58%	4,100	3,560	-5.32%	2,845	1.25
CHPG2010	KIS	4/5/2021	271	4:1	196,640	227.7%	2.0 triệu	36.58%	1,800	1,410	-5.37%	530	2.66
CHPG2002	KIS	12/16/2020	161	2:1	194,660	-65.1%	3.0 triệu	36.58%	1,700	1,760	-5.88%	1,081	1.63
CHPG2009	HSC	10/29/2020	113	2:1	82,850	-56.4%	5.0 triệu	36.58%	1,600	3,320	-5.95%	3,095	1.07
Tổng:					1,764,930		48.50 triệu	36.98%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 8/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

• Về giá, CFPT2002 và CVPB2007 tăng mạnh nhất lần lượt là 16.7% và 6.5%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2004 và CMWG2008 giảm mạnh nhất lần lượt là 38.5% và 16%. Thanh khoản thị trường giảm 41.28%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.09% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CVPB2003. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SAB	193.00	4.27	0.73
VPB	21.90	0.92	0.45
FPT	47.70	0.53	0.21
CTG	23.65	0.85	0.20
STB	11.50	0.44	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	28.1	-1.06	-0.65
TCB	20.1	-0.74	-0.45
VNM	115.5	-0.43	-0.37
VJC	107.6	-0.65	-0.24
VCB	83.0	-0.48	-0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2004	12,400	11,000	11,500
CSTB2003	12,471	11,111	11,500
CFPT2004	55,100	50,000	47,700
CSTB2002	13,588	11,888	11,500
CFPT2003	57,300	50,000	47,700
CNVL2002	69,889	59,889	64,300
CDPM2002	16,952	15,252	14,450
CCTD2001	96,288	80,888	80,100
CMWG2007	99,900	87,000	83,600
CVHM2003	80,000	70,000	80,400
CVNM2004	133,973	116,473	115,500
CVHM2002	88,500	77,000	80,400
CVNM2003	107,280	92,780	115,500
CTCB2004	19,100	17,000	20,100
CHPG2007	24,659	22,999	28,050
CMWG2005	97,000	92,000	83,600
CHPG2008	32,100	28,000	28,050
CHPG2010	40,300	33,100	28,050
CHPG2002	33,399	29,999	28,050
CHPG2009	25,700	22,500	28,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.6	-0.1%	1.2	1,646	1.0	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.2	-0.3%	1.3	579	0.7	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.2	0.0%	1.3	1,523	0.5	1,307	36.1	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	29.9	-1.3%	0.4	291	0.0	2,056	14.5	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	90.8	-0.2%	0.8	13,353	0.7	2,095	43.3	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.5	0.0%	1.1	2,712	1.1	1,226	22.4	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	64.3	-0.3%	0.8	2,710	4.1	3,584	17.9	2.8	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	0.5%	0.8	431	0.4	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.5	0.0%	1.3	259	0.9	2,289	5.0	0.9	40.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.7	1.0%	1.3	410	1.7	1,415	11.1	0.9	49.8%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.7	3.5%	1.0	169	0.7	4,240	5.6	1.0	27.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.7	1.8%	1.8	261	1.4	1,480	13.3	1.4	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.7	0.5%	0.8	1,626	3.1	4,804	9.9	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.8	0.2%	0.4	539	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.9	0.7%	1.5	6,066	1.7	5,820	12.5	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.5	0.0%	1.5	2,438	0.9	869	53.5	2.9	14.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	-0.8%	1.6	256	0.8	1,238	9.9	0.5	11.6%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	1.4%	0.8	957	0.4	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.5	0.1%	0.5	532	0.0	5,046	18.5	3.5	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.5	0.7%	0.4	246	0.9	1,006	14.4	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.0	2.5%	0.4	208	0.7	415	21.7	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.0	-0.5%	1.2	13,384	1.8	4,848	17.1	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.6	-0.1%	1.4	7,091	1.4	2,140	18.9	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.7	0.9%	1.2	3,829	5.5	2,510	9.4	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.9	0.9%	1.2	2,321	1.6	3,750	5.8	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.2	0.3%	1.0	1,798	1.4	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.9	0.8%	0.9	1,728	1.7	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.3	0.2%	0.9	193	0.1	5,303	10.2	1.7	81.5%	17.0%
NTP	Nhựa	31.0	-3.1%	0.4	159	0.0	4,208	7.4	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.7	4.0%	0.4	675	0.1	356	44.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.1	-1.1%	1.1	3,367	11.2	2,764	10.2	1.6	36.2%	17.4%
HSG	Thép	11.6	-1.7%	1.5	224	5.3	1,493	7.8	0.8	11.7%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.5	-0.4%	0.7	8,745	2.8	5,453	21.2	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	193.0	4.3%	0.8	5,381	2.9	6,719	28.7	7.2	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.0	0.0%	1.0	2,897	1.2	3,961	14.4	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.4	0.7%	0.7	367	2.3	171	84.4	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.0	0.2%	0.8	5,584	0.6	3,450	17.1	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.6	-0.6%	1.1	2,451	1.4	7,110	15.1	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.3	0.2%	1.7	1,622	0.4	1,654	15.9	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.1	-0.3%	0.9	247	0.1	1,583	12.1	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	-0.5%	1.1	127	0.5	2,117	4.9	0.7	24.6%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.3	0.2%	1.0	420	0.3	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	3.3%	0.7	392	0.6	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	-0.4%	1.0	229	0.0	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	80.1	0.5%	1.0	266	3.0	8,032	10.0	0.7	46.1%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	0.3	509	0.1	1,498	17.7	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.1	-0.5%	0.3	188	0.6	1,775	10.2	0.8	38.3%	8.5%
POW	Điện	9.9	-0.4%	0.6	1,004	0.8	1,028	9.6	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	22.4	0.2%	0.5	280	0.2	2,543	8.8	1.5	18.2%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	193.00	4.27	1.45	357430.00
GAS	72.90	0.69	0.27	534040.00
CTG	23.65	0.85	0.21	5.30MLN
LGC	46.85	6.96	0.17	1020.00
VPB	21.90	0.92	0.14	1.67MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.42	485190.00	1.11MLN
VHM	0.00	-0.38	800360.00	607060.00
VNM	0.00	-0.25	551310.00	373600.00
HPG	0.00	-0.24	9.16MLN	192700.00
VIC	0.00	-0.19	187450.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GTN	19.95	6.97	0.09	5.39MLN
LGC	46.85	6.96	0.17	1020.00
QCG	7.22	6.96	0.04	612750.00
SJF	2.46	6.96	0.00	980610.00
DTL	11.55	6.94	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.65	-6.99	0.00	340.00
DAH	12.65	-6.99	-0.01	694070.00
CMV	12.00	-6.98	0.00	2320.00
SVT	19.00	-6.86	0.00	230.00
VIS	17.70	-6.84	-0.03	140.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.90	0.84	0.31	1.65MLN
NVB	9.20	2.22	0.08	2.68MLN
PTI	22.40	9.27	0.04	100.00
DNP	17.20	4.24	0.03	163800.00
VIX	7.40	2.78	0.02	210500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	19.00	-2.06	-0.06	3800.00
NTP	31.00	-3.13	-0.04	18200.00
PVS	12.30	-0.81	-0.02	1.46MLN
HUT	2.50	-3.85	-0.02	1.37MLN
PVI	29.90	-1.32	-0.01	5300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

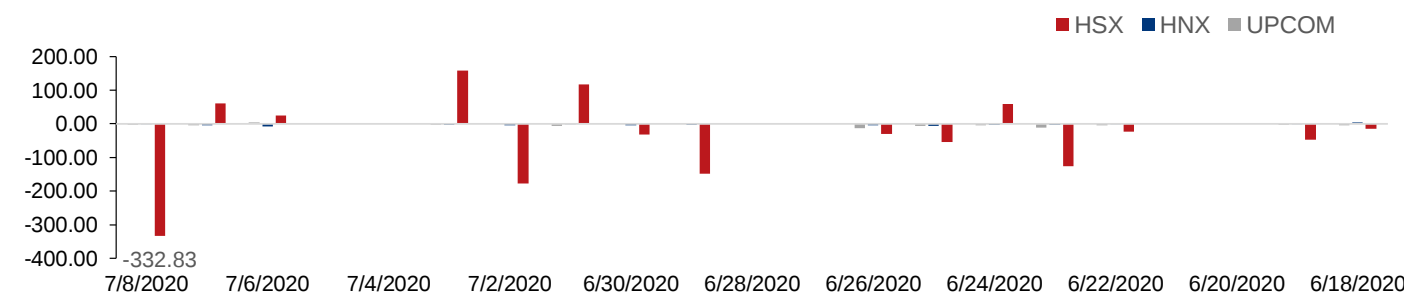
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.7	0.01	588100.00
BII	0.80	14.3	0.00	42100.00
FID	1.10	10.0	0.00	200.00
VTC	11.00	10.0	0.00	5200.00
STP	6.70	9.8	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	-11.11	0.00	329900.00
PTD	14.60	-9.88	0.00	100.00
POT	13.40	-9.46	-0.01	900.00
HBE	8.00	-9.09	0.00	2500.00
SPI	1.10	-8.33	0.00	88600.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.0	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.3	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.6	1,493	7.8	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.5	5,479	8.1	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.9	1,140	17.5	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.1	2,764	10.2	1.6	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.1	2,987	6.7	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.2	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.2	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.5	2,289	5.0	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.8	1,496	11.2	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.1	7,637	2.8	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.4	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	40.7	4,465	9.1	1.8	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.0	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.9	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.1	6,553	5.5	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	54.0	3,887	13.9	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.7	4,804	9.9	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.1	1,583	12.1	0.9	Click

8



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý. Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn